

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2025

Về việc “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Xuân Vĩnh .

Bà Đoàn Thảo Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp I, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp I, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2025, ông Nguyễn Quốc T trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 1987, được sự đồng ý của gia đình hai bên ông và bà Võ Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, tôn trọng, nhường nhịn nhau mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng gay gắt trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay ông và bà Võ Thị Đ không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông và bà Võ Thị Đ có 06 người con chung tên Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1987; Nguyễn Thị D1, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990; Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Nguyễn Quốc K, sinh ngày 1993. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa bà Võ Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quốc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã không chung sống với nhau khoảng 08 năm. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Quốc T có 06 người con chung tên Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1987; Nguyễn Thị D1, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990; Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Nguyễn Quốc K, sinh ngày 1993. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Quốc T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Võ Thị Đ, nơi cư trú: Ấp I, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Quốc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc T và bà Võ Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1987, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà Đ xác định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau nhưng không cung cấp giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Tuy nhiên, ông T và bà Đ chung sống với nhau trước ngày 01/3/1987 nên theo quy định tại Nghị quyết

số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa 10 thì hôn nhân giữa ông T với bà Đ là hôn nhân thực tế nên được pháp luật thừa nhận. Ông T yêu cầu xin ly hôn bà Đ cũng đồng ý ly hôn với ông T nên có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông T và bà Đ đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc xin ly hôn với bà Võ Thị Đ.

Cho ông Nguyễn Quốc T được ly hôn với bà Võ Thị Đ

[2.2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Quốc T và bà Võ Thị Đ có 06 người con chung tên Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1987; Nguyễn Thị D1, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990; Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Nguyễn Quốc K, sinh ngày 1993. Ông T và bà Đ xác định con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Quốc T được miễn theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Võ Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc xin ly hôn với bà Võ Thị Đ.

Cho ông Nguyễn Quốc T được ly hôn với bà Võ Thị Đ.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Quốc T được miễn theo quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm bà Võ Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi